

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/06/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B3, xã B2, huyện P, tỉnh B

Nơi ở hiện tại: Đường số 3, khu phố 7, phường Phước Lộc, thị xã Lagi, tỉnh B1

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thái Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn B3, xã B2, huyện P, tỉnh B

(Bà T và ông Q đều vắng mặt và xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông Bùi Thái Q tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã B2, huyện P, tỉnh B ngày 18/11/2010. Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do ông Q không lo làm ăn gì mà thường xuyên đi ăn nhậu say xỉn về hành hạ, đánh đập Bà T. Mặc dù Bà T đã cố gắng sống vì con và nhiều lần nói chuyện mong ông Q thay đổi nhưng ông Q vẫn chứng nào tật nấy. Do không thể chịu đựng được thêm nữa nên Bà T đã dặt theo con bỏ về B1 ở với bố mẹ ruột từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà T được ly hôn với ông Bùi Thái Q.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, Bà T và ông Q có 02 người con chung là cháu Bùi Thái H, sinh ngày 23/01/2012; cháu Bùi Thái V, sinh ngày 21/9/2009. Khi ly hôn, Bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con. Vấn đề cấp dưỡng Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, Bà T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trong vụ án này.

***Bị đơn ông Bùi Thái Q trình bày:***

\* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023, bị đơn ông Bùi Thái Q trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Q thống nhất với Bà T về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng. Ông Q đồng ý ly hôn với Bà T.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q cũng thừa nhận giữa vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thái H, sinh ngày 23/01/2012; cháu Bùi Thái V, sinh ngày 21/9/2009. Khi ly hôn, ông Q đồng ý giao con cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vấn đề cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, ông Q có ý kiến xin Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án.

***Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:***

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T về yêu cầu ly hôn.

+ *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà T về việc nuôi con, giao cháu Bùi Thái H, sinh ngày 23/01/2012; cháu Bùi Thái V, sinh ngày 21/9/2009 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản và nợ chung*: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Bùi Thái Q có nơi đăng ký thường trú tại thôn B3, xã B2, huyện P,

tỉnh B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B2, huyện Bù Gia Mập (nay là P), tỉnh B ngày 18/11/2010. Xét thấy hôn nhân giữa Bà T và ông Q là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa Bà T và ông Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của Bà T, ông Q thì xác định: Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, bản thân Bà T và ông Q đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay Bà T yêu cầu ly hôn và được ông Q đồng ý nên được ghi nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, Bà T và ông Q có 01 người con chung là cháu cháu Bùi Thái H, sinh ngày 23/01/2012; cháu Bùi Thái V, sinh ngày 21/9/2009. Hiện cháu cháu H và cháu V đang sống với Bà T. Khi ly hôn, Bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và ông Q cũng đồng ý giao con cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên được ghi nhận.

- *Việc cấp dưỡng nuôi con*: Do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Bùi Thái Q.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Thái Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Giao con chung của Bà T và ông Q là cháu Bùi Thái H, sinh ngày 23/01/2012; cháu Bùi Thái V, sinh ngày 21/9/2009 cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung:* Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

*Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Thái Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.*

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016104, ngày 11/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**

